TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2019/HC-PT
Ngày: 10/4/2019
V/v: Khiếu kiện hành vi hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;
Ông Bùi Xuân Trọng.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Chuyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Hữu, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 387/2018/TLPT-HC ngày 08 tháng 11 năm 2018 về "Khiếu kiện hành vi hành chính" do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2018/HC-ST ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2142 /2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện Z, tỉnh H; có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Z, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Z, tỉnh H; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Z, tỉnh H; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Phạm Văn C, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện Z, tỉnh H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo người khởi kiện bà Phạm Thị L trình bày: Năm 1992, bà Phạm Thị L và ông Phạm Văn C được nhà nước giao, chia đất sản xuất nông nghiệp cùng với

hộ cụ Phạm Văn Y (là cha bà L, ông C) theo Quyết định số 115/QĐ-UB ngày 15/02/1992 của UBND tỉnh H; tiêu chuẩn địa phương giao đất lúa cho mỗi khẩu gồm: Đất 2 lúa 515,5m^2/khẩu; đất 1 lúa 62,5m^2/khẩu.

Năm 2003, UBND xã Đ thực hiện việc dồn điền, đổi thửa và chuyển giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Y sang cho ông Phạm Văn C, đến thời điểm này diện tích đất nông nghiệp của bà L không còn trong hộ ông C nữa vì bà đã được giao chia ở hai thửa khác và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Qua quá trình dồn điền, đổi thửa, chuyển tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà L cho rằng UBND xã Đ giao thiếu diện tích đất lúa so với tiêu chuẩn cho hộ bà 293m^2; hộ ông C thiếu 204m^2. Do vậy, ngày 01/12/2017, bà L có đơn khiếu nại gửi đến bà Ngụy Thị Tuyết Lan - Chủ tịch UBND huyện Z yêu cầu giải quyết: Buộc UBND xã Đ giao, chia trả lại hộ của bà và hộ ông C diện tích đất nông nghiệp còn thiếu nêu trên; bồi thường thiệt hại từ việc giao thiếu đất lúa và UBND xã Đ lập hồ sơ trình UBND huyện chỉnh lý lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông C; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ của bà L. Tuy nhiên, hết thời gian giải quyết khiếu nại mà bà chưa nhận được quyết định giải quyết của Chủ tịch UBND huyện Z nên ngày 11/01/2018, bà Phạm Thị L khởi kiện yêu cầu Chủ tịch UBND huyện Z phải ban hành quyết định giải quyết khiếu nại.

Phía người bị kiện có quan điểm: UBND huyện Z đã nhận được đơn khiếu nại đề ngày 01/12/2017 của bà Phạm Thị L. Sau khi nghiên cứu nội dung đơn khiếu nại nhận thấy việc giao đất khi thực hiện Chỉ thị 15 của Tỉnh ủy H năm 2000 là do thôn, xóm thực hiện, mặt khác UBND huyện không phải là cơ quan giao đất nông nghiệp đến hộ gia đình nên việc giải quyết khiếu nại lần đầu thuộc UBND xã Đ. Do vậy, UBND huyện đã có văn bản giao cho UBND xã Đ giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 17 Luật khiếu nại và gửi văn bản thông báo cho bà L biết để liên hệ, giải quyết. Bà Phạm Thị L khiếu kiện hành vi hành chính buộc Chủ tịch UBND huyện Z phải trả lời đơn khiếu nại là không có cơ sở, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh H bác đơn khởi kiện của bà Phạm Thị L.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn C nhất trí với quan điểm và yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch UBND xã Đ trình bày: Sau khi nhận được văn bản chỉ đạo của UBND huyện Z; UBND xã Đ đã ban hành Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Phạm Thị L, nội dung: Thời điểm giao đất nông nghiệp theo Quyết định số 115/QĐ-UB ngày 15/02/1992, bà L, ông Trần Văn V (chồng của bà L) đều chưa xây dựng gia đình nên tiêu chuẩn đất nông nghiệp của bà L, ông V được giao chung với bố mẹ là hộ cụ Y, hộ cụ A (bố đẻ ông V). Năm

2001, thực hiện việc dồn điền, đổi thửa thì hộ bà L, ông V tách riêng, được giao đất nông nghiệp với diện tích 1.697m^2; họ cụ Y chuyển cho ông C diện tích 2.608m^2 và hộ cụ A có diện tích được giao là 2.688m^2. Theo tiêu chuẩn thì cả 03 hộ sẽ được giao đất nông nghiệp với tổng diện tích là 6.675m^2. Tuy nhiên, thực tế hiện nay chính quyền địa phương đã giao cho 3 hộ tổng diện tích là 6.993m^2. Như vậy so với diện tích tiêu chuẩn được hưởng và diện tích giao thực địa thì cả 03 hộ còn thừa 318m^2. Vì vậy đơn khiếu nại của bà L không có cơ sở, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh H bác đơn khởi kiện của bà Phạm Thị L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2018/HC-ST ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh H, đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 115; Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 17, Điều 18 Luật khiếu nại; Điều 8 Thông tư 07 ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ; Điều 30; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L về việc buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Z, tỉnh H phải trả lời khiếu nại.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/9/2018, bà Phạm Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Phạm Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, buộc Chủ tịch UBND huyện Z phải ban hành quyết định giải quyết khiếu nại.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị L khởi kiện buộc Chủ tịch UBND huyện Z phải ban hành quyết định giải quyết khiếu nại là không đúng quy định của Luật khiếu nại; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của bà L là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của bà Phạm Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ ý kiến của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L khiếu kiện hành vi hành chính của Chủ tịch UBND huyện Z, tỉnh H không trả lời khiếu nại là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, còn thời hiệu và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh H, theo quy định tại Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2]. Về nội dung: Bà Phạm Thị L yêu yêu cầu Chủ tịch UBND huyện Z phải trả lời khiếu nại thấy rằng: Ngày 01/12/2017, bà L có đơn gửi đến Chủ tịch UBND huyện Z khiếu nại với nội dung: Năm 1992 bà Phạm Thị L được nhà nước giao tiêu chuẩn đất nông nghiệp cùng trong hộ cụ Phạm Văn Y. Sau khi việc dồn điển đổi thửa thì diện tích đất nông nghiệp của hộ bà L được tách ra khỏi hộ cụ Y; tuy nhiên, bà L cho rằng quá trình tách thửa thì UBND xã Đ giao thiếu của hộ bà L so với tiêu chuẩn 205m^2; hộ ông C thiếu 204m^2. Bà L làm đơn khiếu nại yêu cầu UBND xã Đ giao, chia trả lại hộ của bà L và hộ ông C diện tích đất nông nghiệp còn thiếu nêu trên; bồi thường thiệt hại từ việc giao thiếu đất lúa và UBND xã Đ lập hồ sơ trình UBND huyện chỉnh lý lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông C, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ của bà L.

[3]. Sau khi nhận được đơn khiếu nại của bà L, UBND huyện Z đã ban hành Văn bản số 1393 ngày 19/12/2017 chuyển về UBND xã Đ giải quyết theo thẩm quyền trả lời khiếu nại của công dân và báo cáo kết quả giải quyết cho UBND huyện. Ngày 28/12/2017, UBND xã Đ ban hành Quyết định số 84/QĐ-UBND, giải quyết khiếu nại của bà L với nội dung UBND xã đã giao đủ diện tích đất tiêu chuẩn cho hộ cụ Y trong đó có tiêu chuẩn đất ruộng của bà L và ông C nên không chấp nhận khiếu nại của bà L. Bà L xác nhận đã nhận được thông báo kết quả giải quyết khiếu nại số 84/QĐ-UBND của UBND xã Đ. Đơn của bà Phạm Thị L là đơn khiếu nại lần đầu không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện Z, nên UBND huyện Z không thụ lý giải quyết theo trình tự khiếu nại mà chuyển đến UBND xã Đ giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 17, Điều 18 Luật khiếu nại. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của bà Phạm Thị L là có căn cứ. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị L.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị L không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị L, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2018/HCST ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

Về án phí: Bà Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0002857 ngày 24/10/2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN		**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đã ký		Đã ký
Bùi Xuân Trọng	**Nguyễn Văn Cường**	**Lê Thị Thúy Bình**

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh H;*
- *VKSND tỉnh H;*
- *Cục THADS tỉnh H;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ;*
- *Lưu HS, HCTP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thúy Bình